

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2024

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bô Quốc Khánh;

2. Ông Đoàn Văn Lược.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 45/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Tổ F, khu phố C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương; Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Tô Minh C, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Tổ F, Khu phố C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương; Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đỗ Thị L – có đơn xin vắng mặt, trình bày:

Ông Tô Minh C và bà Đỗ Thị L tự nguyện tìm hiểu, quen biết nhau và tiến tới hôn nhân năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn T), huyện B.

Sau khi cưới nhau, vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian gần đây mới phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên có lời qua, tiếng lại, hai bên không có tiếng nói chung nên tình cảm ngày càng rạn nứt, bà L đã cố gắng cùng ông C dung hòa mối quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả nên bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Tô Diễm M, sinh ngày 04/05/2016 và Tô Quỳnh N, sinh ngày 27/01/2020. Sau khi được ly hôn, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con.

Lý do bà L tha thiết xin nuôi cả hai con chung vì cả hai con đều là con gái, bản thân bà là nữ nên chăm sóc con gái sẽ thuận tiện hơn ông C và bà có điều kiện kinh tế vững chắc hơn ông C, cụ thể: Bà L có giao nộp cho Tòa án hợp đồng thuê đất với quyền sử dụng đất riêng tại thị trấn T nên thu nhập ổn định đủ khả năng để nuôi 02 con đến trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Tô Minh C – Có đơn xin vắng mặt trình bày:

Ông C vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày về thời gian tìm hiểu, kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Ông và bà L thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông C thống nhất có 02 con chung là cháu Tô Diễm M, sinh ngày 04/05/2016 và cháu Tô Quỳnh N, sinh ngày 27/01/2020. Ông C thống nhất giao con chung cháu Tô Diễm M, sinh ngày 04/05/2016 cho bà L nuôi dưỡng. Đối với cháu Tô Quỳnh N, sinh ngày 27/01/2020 ông C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được nuôi dưỡng sau khi ly hôn và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của bị đơn. Viện kiểm sát không kiến nghị khắc phục gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị L làm đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Tô Minh C nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con. Do bị đơn ông Tô Minh C hiện có nơi cư trú tại thị trấn T, thuộc huyện B nên Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xin vắng mặt của nguyên đơn bà Đỗ Thị L và bị đơn ông Tô Minh C: Cả hai nên đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị L với ông Tô Minh C sống chung có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do bà L xét thấy không thể cùng ông C tiếp tục chung sống nên xin ly hôn, ông C cũng đồng ý ly hôn đối với bà L.

Như vậy, việc bà L và ông Tô Minh C có lời khai thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị L cần chấp nhận cho bà Đỗ Thị L được ly hôn với ông Tô Minh C là phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của hai bên.

[4] Xét về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chung sống có hai con chung tên là Tô Diễm M, sinh ngày 04/05/2016 và cháu Tô Quỳnh N, sinh ngày 27/01/2020, xét yêu cầu của bà L về việc xin nuôi cả 02 con chung, điều kiện của ông Tô Minh C và ý kiến của con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: cả hai con chung của ông C và bà L đều là nữ, xét về điều kiện tâm sinh lý và sự phát triển bình thường của hai cháu nên tiếp tục cho bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội. Do bà L không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Đỗ Thị L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQHĐTP- TANDTC ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn giữa bà Đỗ Thị L đối với ông Tô Minh C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị L được ly hôn với ông Tô Minh C.
2. Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Giao cho bà Đỗ Thị L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên Tô Diễm M, sinh ngày 04/05/2016 và cháu Tô Quỳnh N, sinh ngày 27/01/2020. Ông Tô Minh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Tô Minh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp các bên lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà Đỗ Thị L và ông Tô Minh C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của nhau. Vì quyền và lợi ích về mọi mặt của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi một hoặc cả hai đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ hết vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số 0003829 ngày 12/7/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng

